

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đặt tên đường và công trình công cộng
trên địa bàn thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-BVHXXH ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang gồm 38 tên đường và 01 công trình công cộng (danh sách kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC (đăng công báo);
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh

DANH SÁCH
TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN
THỊ TRẤN TÂN HIỆP, HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 05/8/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

I. TÊN ĐƯỜNG: 38

TT	Tên đường	Chiều dài đường (m)	Giới hạn đường	
			Điểm đầu	Điểm cuối
01	Nguyễn Huệ	700	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường 01 tháng 5
02	Bùi Thị Xuân	3.500	Từ giáp đường Phan Thị Ràng	Đến giáp đường Ngô Quyền
03	Đổng Đa	350	Từ giáp đường Nguyễn Huệ	Đến giáp đường Ngô Quyền
04	Trương Định	350	Từ giáp đường Nguyễn Huệ	Đến giáp đường Ngô Quyền
05	Mạc Cửu	149	Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp đường Bạch Đằng
06	Bạch Đằng	3.010	Từ giáp đường kênh Đông Bình	Đến giáp đường Nguyễn Thái Học
07	Kim Đồng	3.010	Từ giáp đường An Dương Vương	Đến giáp đường Nguyễn Thái Học
08	Võ Thị Liễu	350	Từ giáp đường Kim Đồng	Đến giáp đường 01 tháng 5
09	Hồ Thị Liên	350	Từ giáp đường Kim Đồng	Đến giáp đường 01 tháng 5
10	Đỗ Thị Nhân	350	Từ giáp đường Kim Đồng	Đến giáp đường 01 tháng 5
11	Ngô Quyền	650	Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp đường 01 tháng 5
12	01 tháng 5	350	Từ giáp đường Võ Thị Liễu	Đến giáp đường Ngô Quyền



TT	Tên đường	Chiều dài đường (m)	Giới hạn đường	
			Điểm đầu	Điểm cuối
13	Lâm Quang Ky	1.000	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Nguyễn Thái Học
14	Nguyễn Thái Học	3.826	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp kênh Đòn Đông Rivera
15	Phạm Ngọc Thạch	3.700	Từ giáp Nhà thờ Ngọc Thạch	Đến giáp kênh Đòn Đông Rivera
16	An Dương Vương	4.564	Từ giáp đường Kim Đồng	Đến giáp đường kênh Đòn Đông Đông Bình
17	Hùng Vương	4.864	Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp đường Chu Văn An
18	Âu Cơ	1.000	Từ giáp đường Hùng Vương	Đến giáp đường Hồ Thị Tư
19	Lạc Long Quân	800	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Âu Cơ
20	Hồ Thị Tư	1.000	Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp đường Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi
21	Bùi Thị Ba	2.045	Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp đường Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi
22	Phan Thị Ràng	4.245	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Lê Lợi
23	Nguyễn Trung Trực	800	Từ giáp đất Quốc lộ 80	Đến giáp Đình thần Nguyễn Trung Trực
24	Phan Bội Châu	367	Từ giáp đường Lạc Long Quân	Đến giáp sông kênh Đông Bình
25	Nguyễn Du	600	Từ giáp đường Lạc Long Quân	Đến giáp sông Đông Bình
26	Cao Văn Lầu	140	Từ giáp đường Thoại Ngọc Hầu	Đến giáp đường Phan Bội Châu
27	Thoại Ngọc Hầu	3.000	Từ giáp đường Phan Thị Ràng	Đến giáp sông kênh Đông Bình
28	Lê Lợi	4.710	Từ giáp đường 30 tháng 4	Đến giáp đường Hùng Vương
29	Nguyễn Chí Thanh	4.245	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Lê Lợi
30	Võ Thị Sáu	400	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Lê Thị Hoa
31	Chu Văn An	250	Từ giáp đường	Đến giáp Đường

TT	Tên đường	Chiều dài đường (m)	Giới hạn đường	
			Điểm đầu	Điểm cuối
			Lê Thị Bảy	Nguyễn Thị Đơn
32	Nguyễn Thị Đơn	200	Từ giáp đường Phan Bội Châu	Đến giáp đường Lê Thị Hoa
33	Lê Thị Hai	200	Từ giáp đường Lê Thị Bảy	Đến giáp đường Nguyễn Thị Đơn
34	Lê Thị Hoa	350	Từ giáp đường Lê Thị Bảy	Đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh
35	Lê Thị Bảy	200	Từ giáp đường Phan Bội Châu	Đến giáp đường Lê Thị Hoa
36	Trần Hữu Độ	1.893	Từ giáp đường 30 tháng 4	Đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh
37	Lương Định Của	1.200	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp cao tốc Lộ Tê - Rạch Sỏi
38	30 tháng 4	4.349	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Lê Lợi

II. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG: 01

TT	Tên công trình công cộng	Diện tích (m ²)	Vị trí	Giới hạn công trình
01	Công viên Nguyễn Trung Trực	1.200	Khu phố A và Khu phố B	- Điểm đầu giáp Quốc lộ 80; - Điểm cuối giáp đường Phan Bội Châu.